

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**    **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2018/HNGĐ-PT

Ngày: 08 - 6 - 2018

Về việc tranh chấp chia tài sản chung;  
chia hoa lợi, lợi tức; đòi lại tài sản;  
tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Lập

*Các Thẩm phán:* Ông Đỗ Cao Khánh

Ông Huỳnh Văn Út

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Văn Len là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Dẽ - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 14/2018/TLPT- HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2018 về việc “Chia tài sản chung; chia hoa lợi, lợi tức; đòi lại tài sản; tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 10/2018/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 93/2018/QĐ-PT ngày 16 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Ánh X , sinh năm 1975 (Có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Võ Chí Ph , sinh năm 1972 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Xã H, huyện N, tỉnh C .

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn (Vắng mặt)

2. Chi cục Thuế huyện Năm Căn (Vắng mặt)

3. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (viết tắt là Ngân hàng Agribank).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Minh Hải, chức vụ: Phó Giám đốc Chi nhánh huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).

4. Bà Trương Thị Ng , sinh năm 1950 (Có mặt)

5. Bà Võ Trúc Ng1 (Vắng mặt)

6. Ông Đặng Văn U(Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Xã H, huyện N, tỉnh C .

7. Bà Dương Thị V , sinh năm 1962 (Vắng mặt)

8. Chị Nguyễn Kiều Ph1, sinh năm 1984 (Vắng mặt)
  9. Anh Nguyễn Như Ph1 (Vắng mặt)
  10. Anh Trần Xuân Thủy, sinh năm 1984 (Vắng mặt)
- Cùng địa chỉ: Xã H, huyện N, tỉnh C .

- *Người kháng cáo:* Chị Trần Ánh X , là nguyên đơn và bà Trương Thị Ng , là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo chị Trần Ánh X trình bày:* Chị X và anh Ph kết hôn năm 1995; đến năm 2015 được Tòa án xử cho Chị X và anh Ph ly hôn với nhau, nhưng phần tài sản chung chưa được phân chia. Đó đó, Chị X yêu cầu chia tài sản chung gồm:

+ Phần đất nuôi trồng thủy sản tọa lạc ấp 4, xã Hiệp Tùng, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau diện tích 46.810m<sup>2</sup>, diện tích theo đo đạc thực tế 46.227,4m<sup>2</sup>. Nguồn gốc đất sang nhượng của ông Hồng Đ , giá 16 lượng vàng 24k; Chị X mượn vàng và mẹ chồng là bà Trương Thị Ng cho vàng để sang đất. Trên phần đất có một căn nhà, cây ăn trái, cây đước, dừa nước và cây nước khoang. Đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 59515 ngày 02/10/2013 do Võ Chí Ph đứng tên.

+ Phần đất nuôi trồng thủy sản tọa lạc ấp 4, xã Hiệp Tùng, huyện Năm Căn diện tích 28.604m<sup>2</sup>, diện tích theo đo đạc thực tế 28.040,1m<sup>2</sup>. Nguồn gốc phần đất sang nhượng của bà Dương Thị V năm 2001, giá 360.000.000 đồng, do anh Ph trực tiếp ký giấy tay sang nhượng với bà Vân, chị Nguyễn Kiều Phương, anh Nguyễn Như Phong; đến nay chưa lập thủ tục chuyển tên quyền sử dụng đất, vẫn còn đứng tên chị Nguyễn Kiều Phương.

+ Phần đất trồng lúa tọa lạc tại ấp Thạnh Điền, xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, diện tích 144m<sup>2</sup>, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 285901 ngày 24/8/2012 do anh Võ Chí Ph và chị Trần Ánh X đứng tên.

+ Phần đất ở tọa lạc tại ấp 5, xã Hiệp Tùng, huyện Năm Căn diện tích theo đo đạc thực tế 87,3m<sup>2</sup>. Nguồn gốc sang nhượng của ông Đặng Văn U(không biết ông Ut đang ở đâu), chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chỉ có giấy sang nhượng tay do anh Ph giao dịch với ông U năm 2012; trên phần đất có căn nhà bán cơ bản xây dựng năm 2012.

+ Phần đất ở tọa lạc tại ấp 5, xã Hiệp Tùng, huyện Năm Căn diện tích 100m<sup>2</sup>, đã được Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 516756 ngày 02/12/2011, do anh Võ Chí Ph đứng tên.

+ Phần đất ở tọa lạc tại ấp 5, xã Hiệp Tùng, huyện Năm Căn diện tích 90m<sup>2</sup>, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 656284 ngày 09/9/2015 do Võ Chí Ph và Trần Ánh X đứng tên.

Về nợ: Vay Ngân hàng nông nghiệp 240.000.000 đồng, đảm bảo việc vay có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích 46.810m<sup>2</sup>; Nợ thuế: 8.100.000 đồng.

Chị X yêu cầu chia đôi tài sản và nợ chung; tài sản được chia yêu cầu được nhận phần đất nuôi trồng thủy sản diện tích 28.604m<sup>2</sup> và nhà ở xây dựng trên diện

tích đất 87,3m<sup>2</sup>. Trong thời gian ly hôn anh Ph quản lý vuông tôm, nên Chị X yêu cầu chia thu nhập tiền xổ vuông 200.000.000 đồng.

*Theo anh Võ Chí Ph trình bày:*

Anh Ph thừa nhận các tài sản như Chị X trình bày là có; nhưng cho rằng các tài sản này không phải của chung vợ chồng, mà của mẹ ruột anh Ph là bà Trương Thị Ng .

Nguồn gốc những loại tài sản đều xuất phát từ việc bà Ng sang phần đất vuông tôm của bà Ng bên xã Tam Giang để sang phần đất tại ấp 4, xã Hiệp Tùng, huyện Năm Căn của ông Hồng Đ , tổng diện tích khoảng 4,5ha; bà Ng giao dịch mua bán với ông Hồng Đạt, anh Ph không tham gia. Bà Ng sang đất vào năm 1995, đến năm 2000 bà Ng bệnh nên mới giao cho anh Ph đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và anh Ph được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2013; trên phần đất có căn nhà và trồng cây ăn trái.

Các tài sản còn lại gồm có: Phần đất nuôi trồng thủy sản tọa lạc ấp 4, xã Hiệp Tùng, huyện Năm Căn diện tích là 28.604,0m<sup>2</sup>, do chị Nguyễn Kiều Ph đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; phần đất trồng lúa tọa lạc tại ấp Thạnh Điền, xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau diện tích 144m<sup>2</sup> do anh Võ Chí Ph và chị Trần Ánh X đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; phần đất ở tọa lạc tại ấp 5, xã Hiệp Tùng, huyện Năm Căn, diện tích đo đạc thực tế 87,3 m<sup>2</sup>, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trên phần đất có căn nhà bán cơ bản; phần đất ở tọa lạc tại ấp 5, xã Hiệp Tùng, huyện Năm Căn, diện tích 100m<sup>2</sup> do anh Võ Chí Ph đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; phần đất ở tọa lạc tại ấp 5, xã Hiệp Tùng, huyện Năm Căn, diện tích 90m<sup>2</sup> do Võ Chí Ph và Trần Ánh X đứng tên. Tất cả các loại tài sản trên của mẹ anh, Chị X yêu cầu phân chia anh không đồng ý.

Về nợ như Chị X trình bày anh thừa nhận đúng; anh yêu cầu phân chia anh và Chị X mỗi người trả ½.

Đối với thu nhập xổ vuông, do vuông xổ thất không đủ cải tạo và nuôi sống gia đình nên anh không đồng ý phân chia theo yêu cầu Chị X .

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

*Theo bà Trương Thị Ng trình bày:* Chị X yêu cầu chia đôi toàn bộ tài sản nêu trên với anh Ph , bà Ng không đồng ý, vì tài sản này là của bà Ng ; do bà lớn tuổi nên giao cho anh Ph đứng tên quyền sử dụng đất. Riêng đối với 02 phần đất do anh Ph và Chị X cùng đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà Ng không hay; khi anh Ph đưa giấy chứng nhận cho bà giữ bà mới phát hiện và có la rầy anh Ph và nghi anh Ph là con trong gia đình nên không có khiếu nại gì về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử đất cho anh Ph và Chị X .

Bà Ng yêu cầu anh Ph , Chị X giao trả lại toàn bộ tài sản nêu trên; bà Ng đồng ý cho Chị X và anh Ph 01 phần đất trồng lúa tọa lạc tại xã Lý Văn Lâm diện tích 144m<sup>2</sup> và 01 phần đất ở tọa lạc tại ấp 5, xã Hiệp Tùng diện tích 90m<sup>2</sup> do anh Ph , Chị X đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

*Đại diện Ngân hàng Agribank trình bày:* Anh Võ Chí Ph , chị Trần Ánh X có ký hợp đồng tín dụng số 7509-LAV-201404509 với Ngân hàng Agribank để vay số tiền vốn 240.000.000 đồng; lãi suất 0,97%/năm; lãi suất quá hạn

14,4955%/năm; thời hạn vay là 24 tháng; mục đích vay để nuôi tôm. Anh Ph và Chị X có thể chấp quyền sử dụng đất số BO 598515 diện tích 46.810m<sup>2</sup> thuộc thửa số 01, 15, 359, 360 tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp 4, xã Hiệp Tùng, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ.

Do phía anh Ph, Chị X vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ, nên Ngân hàng yêu cầu anh Ph, Chị X thanh toán nợ gốc 240.000.000 đồng và nợ lãi tính đến ngày 05/02/2018 bằng 22.033.700 đồng; tổng cộng vốn, lãi bằng 262.033.700 đồng. Trường hợp chậm trả đề nghị xử lý tài sản thế chấp thanh toán nợ cho Ngân hàng.

*Đại diện Chi cục Thuế huyện Năm Căn trình bày:* Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 656284 đứng tên Võ Chí Ph và Trần Ánh X do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn cấp ngày 09/9/2015. Giấy chứng nhận thể hiện chủ sử dụng đất còn nợ tiền sử dụng đất số tiền 8.100.000 đồng của Chi cục Thuế huyện Năm Căn. Căn cứ vào Thông báo số 22/7/2015/TB-CCT ngày 30/7/2015 của Chi cục Thuế huyện Năm Căn thông báo nộp thuế tiền sử dụng đất, số tiền ghi nợ 8.100.000 đồng, có kèm theo đơn ghi nợ tiền sử dụng đất. Do đó, Chi cục thuế huyện Năm Căn yêu cầu anh Ph và Chị X thanh toán số tiền còn nợ thuế 8.100.000 đồng.

*Đại diện Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn trình bày:* Đối với phần đất tại ấp 5, xã Hiệp Tùng, huyện Năm Căn (vị trí: đối diện với Trường Tiểu học 1 – xã Hiệp Tùng, nằm cạnh sông Bến Dừa), có diện tích chiều ngang 4,5m dài đến Sông Kinh 5. Vị trí tứ cận: Mặt tiền giáp lộ liên huyện, từ mặt tiền nhìn vào vách phải giáp thửa số 123, vách trái giáp thửa số 108, hậu giáp sông Bến Dừa. Hiện tại phần đất này chưa có quy hoạch, đồng thời phần đất có vị trí giáp sông Bến Dừa, do các hộ sống ven sông nên chưa được xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

*Bà Dương Thị V trình bày:* Đầu năm 2008, bà V có lập hợp đồng chuyển nhượng phần đất nuôi trồng thủy sản tại ấp 4, xã Hiệp Tùng, huyện Năm Căn diện tích 28.600m<sup>2</sup> cho vợ chồng anh Võ Chí Ph và chị Trần Ánh X, với số tiền 360.000.000 đồng; vợ chồng anh Ph trả trước 320.000.000 đồng và nợ lại 40.000.000 đồng. Sau đó vài tháng vợ chồng anh Ph và Chị X thanh toán đủ. Việc chuyển nhượng phần đất trên chỉ xác lập với vợ chồng anh Ph và Chị X; còn việc anh Ph cho rằng tiền sang đất là của bà Trương Thị Ng, bà V không biết, vì bà V không có giao dịch với bà Ng. Về tranh chấp tài sản giữa anh Ph, Chị X với bà Ng, bà V không có ý kiến.

*Anh Trần Xuân Thủy trình bày:* Anh Th là cháu rể anh Ph; Anh Th có nhờ Chị X và anh Ph vay tiền giùm tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn số tiền 240.000.000 đồng. Do làm ăn thất bại nên chưa thanh toán nợ gốc; Anh Th có đóng lãi cho Ngân hàng theo định kỳ.

*Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 10/2018/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn quyết định:*

Áp dụng: Khoản 1 Điều 61 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 256; Điều 355, 715, 721 Bộ luật dân sự năm 2005; Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Khoản 2 Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 2, khoản 9 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Trần Ánh X về việc yêu cầu chia tài sản chung với anh Võ Chí Ph .

- *Chị X được quyền sử dụng và định đoạt tài sản:*

+ 01 phần đất nuôi trồng thủy sản thửa đất số 67, tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại ấp 4, xã Hiệp Tùng, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau, phần đất mang tên Nguyễn Kiều Ph tại giấy chứng nhận QSD đất số AK 473412 ngày 02/10/2007, với diện tích đo đạc thực tế là 28.040,1m<sup>2</sup>, trị giá 580.698.000 đồng. Vị trí phần đất: Mặt tiền giáp Kênh Năm Ton; Mặt tiền nhìn vào vách phải giáp thửa đất số 362; Vách trái giáp thửa đất số 61; Hậu giáp thửa đất số 361. Trên phần đất có 02 công sở vuông, trị giá 19.896.000 đồng.

+ 01 phần đất ở thửa đất số 21, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại ấp 5, xã Hiệp Tùng, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau được UBND huyện Năm Căn cấp giấy chứng nhận QSD đất số BD 516756 ngày 02/12/2011 do Võ Chí Ph đứng tên, với diện tích được cấp và đo đạc thực tế là 100m<sup>2</sup>, trị giá 25.000.000 đồng. Vị trí phần đất: Mặt tiền giáp lộ liên huyện; Mặt tiền nhìn vào vách phải giáp thửa đất số 11; Vách trái giáp thửa đất số 20; Hậu giáp với phần đất UBND xã Hiệp Tùng quản lý.

Tổng tài sản Chị X được chia có giá trị là 605.698.000 đồng.

- *Anh Ph sở hữu, sử dụng và định đoạt tài sản:*

+ Một phần hai diện tích phần đất NTTS tọa lạc ấp 4 (trong giấy chứng nhận ghi ấp 7B), xã Hiệp Tùng, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau diện tích đo đạc thực tế là 46.227,4m<sup>2</sup> (diện tích trong giấy là 46.810m<sup>2</sup>), thuộc thửa số 01, 15, 359, 360 tờ bản đồ số 10 được UBND huyện Năm Căn cấp giấy chứng nhận QSD đất, số B0 598515 ngày 02/10/2013, anh Ph được quyền sử dụng 23.113,7m<sup>2</sup> trị giá 474.274.000 đồng (khi chia có mặt tiền và hậu đều nhau); 01 căn nhà trên phần đất có diện tích là 87,5m<sup>2</sup> (bao gồm nhà trước, nhà sau); Các loại cây trồng và tài sản có trên đất nuôi trồng thủy sản, bao gồm: 02 cây vú sữa đang cho trái (loại A), 06 cây vú sữa sắp cho trái (loại B), 04 cây vú sữa mới trồng (loại C), 08 cây dừa sắp cho trái (loại B), 01 cây ổi cho trái (loại A), 04 cây xoài cho trái (loại A), 01 cây tắc cho trái (loại A), 06 cây mít cho trái (loại A), 08 cây me cho trái (loại A), 03 bụi thanh long (loại C), 55 cây đước (loại B), 160 cây đước (loại C), 220 cây đước (loại D), 500 bụi dừa nước, 01 giếng nước khoan và 02 công sở vuông tổng cộng trị giá 109.356.900 đồng.

+ 01 phần đất ở thửa đất số 65, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại ấp 5, xã Hiệp Tùng, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau được UBND huyện Năm Căn cấp giấy CNQSD đất số CA 656284 ngày 09/9/2015 do Võ Chí Ph và Trần Ánh X đứng tên, với diện tích được cấp và đo đạc thực tế là 90m<sup>2</sup> trị giá 22.500.000 đồng. Vị trí phần đất: Mặt tiền giáp lộ liên huyện; Mặt tiền nhìn vào vách phải giáp thửa đất số 66; Vách trái giáp thửa đất số 81; Hậu giáp với phần đất UBND xã Hiệp Tùng quản lý.

Tổng tài sản anh Ph được chia có giá trị là 606.130.900 đồng.

2. Bác yêu cầu của Chị X về việc yêu cầu chia tiền thu nhập từ xô vuông tôm 200.000.000 đồng.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Trương Thị Ng về việc đòi lại tài sản đối với chị Trần Ánh X – anh Võ Chí Ph .

*Bà Ng được nhận tài sản:*

+ Một phần hai diện tích phần đất NTTS tọa lạc ấp 4 (trong giấy chứng nhận ghi ấp 7B), xã Hiệp Tùng, huyện Năm Căn diện tích đo đạc thực tế là 46.227,4m<sup>2</sup> (diện tích trong giấy là 46.810m<sup>2</sup>), thuộc thửa số 01, 15, 359, 360 tờ bản đồ số 10 được UBND huyện Năm Căn cấp giấy chứng nhận QSD đất, số B0 598515 ngày 02/10/2013, bà Ng được quyền sử dụng 23.113,7m<sup>2</sup> trị giá 474.274.000 đồng (khi chia có mặt tiền và hậu đều nhau);

+ 01 phần đất ở thửa đất số 107, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại ấp 5, xã Hiệp Tùng, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau, với diện tích đo đạc thực tế là 87,3m<sup>2</sup>. Vị trí phần đất: Mặt tiền giáp lộ liên huyện; Mặt tiền nhìn vào vách phải giáp thửa số 123; Vách trái giáp thửa số 108; Hậu đất giáp với Sông Bến Dừa. Trên phần đất có căn nhà xây dựng năm 2012, nhà và đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà ở - đất ở; Giá trị nhà và đất trị giá 168.093.000 đồng. 01 tủ quần áo cây gỗ miền đông, cao 2,14m rộng 0,65m dài 2,2m giá 6.600.000 đồng; 01 tủ nhôm cao 1,4m rộng 0,5m dài 1,25m giá 660.000 đồng.

+ 01 phần đất trồng lúa thửa đất số 417, tờ bản đồ số 23, tọa lạc tại ấp Thạnh Điền, xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau được UBND thành phố Cà Mau cấp giấy chứng nhận QSD đất số BK 285901 ngày 24/8/2012 mang tên Võ Chí Ph và Trần Ánh X , với diện tích được cấp và đo đạc thực tế là 144m<sup>2</sup> trị giá 87.264.000 đồng. Vị trí phần đất: Mặt tiền giáp với tờ bản đồ số 04 cạnh dài 04m; Mặt tiền nhìn vào vách phải giáp thửa số 254 cạnh dài 36m; Vách trái giáp thửa số 273 cạnh dài 36m; Hậu đất giáp thửa số 273 cạnh dài 04m.

Tổng cộng tài sản bà Ng yêu cầu đòi lại có trị giá 729.631.000 đồng.

4. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

Buộc anh Ph có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ tiền vay gốc và lãi cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam là 262.033.700 đồng. Trong đó: Nợ gốc 240.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 05/02/2018 là 22.033.700 đồng.

Kể từ ngày 06/02/2018 anh Ph chậm thanh toán tiền cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam thì anh Ph phải trả thêm lãi suất nợ quá hạn được ghi tại hợp đồng tín dụng trên số tiền nợ gốc 240.000.000 đồng.

Trường hợp bản án có hiệu lực, anh Ph không thực hiện nghĩa vụ, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Chị X có nghĩa vụ giao trả lại cho anh Ph một phần hai giá trị tiền anh Ph thanh toán nợ cho Ngân hàng là 131.016.850 đồng (trong đó nợ gốc 120.000.000 đồng). Chị X chậm trả tiền còn phải trả lãi trên số nợ gốc 120.000.000 đồng, lãi suất tính theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Chi phí đo đạc, định giá: Chi phí đo đạc và định giá tài sản tổng cộng là 12.226.000 đồng, Chị X và anh Ph mỗi người phải chịu ½; Chị X đã nộp tạm ứng chi phí này nên buộc anh Ph có trách nhiệm trả lại cho Chị X 6.113.000 đồng. Đối

trừ nghĩa vụ Chị X giao trả cho anh Ph 131.016.850 đồng – 6.113.000 đồng = 124.903.850 đồng

5. Về án phí:

- Chị X phải chịu án phí: Án phí chia tài sản 28.227.900 đồng; Án phí đối với phần bác yêu cầu chia thu nhập xổ vuông 10.000.000 đồng; Án phí đối với nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng 6.550.800 đồng. Tổng cộng án phí phải chịu 44.778.700 đồng; Chị X có dự nộp tạm ứng án phí 26.000.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0014602 ngày 29/6/2015 và 5.000.000 đồng theo biên lai thu số 0015228 ngày 16/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn được đối trừ, Chị X phải nộp tiếp 13.778.700 đồng.

- Anh Ph phải chịu án phí: Án phí chia tài sản có giá ngạch 28.245.200 đồng; Án phí đối với nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng 6.550.800 đồng. Tổng cộng anh Ph phải chịu án phí 34.796.000 đồng.

- Đối với yêu cầu đòi lại tài sản, bà Ng thuộc trường hợp miễn nộp. bà Ng có dự nộp tiền tạm ứng án phí 200.000 đồng được nhận lại.

- Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam không phải chịu án phí, có nộp tạm ứng án phí 6.422.900 đồng theo biên lai thu số 0015226 ngày 15/12/2016 được nhận lại.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 08/02/2018, chị Trần Ánh X có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng cho chị được nhận các phần đất sau: Phần đất nuôi trồng thủy sản tại ấp 4, xã Hiệp Tùng, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau, diện tích 28.040,1m<sup>2</sup>; Phần đất trồng lúa tại ấp Thạnh Điền, xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau có diện tích 144m<sup>2</sup>; Phần đất 87,3m<sup>2</sup> trên phần đất có một ngôi nhà tọa lạc tại ấp 5, xã Hiệp Tùng, huyện Năm Căn; Phần đất diện tích 100m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp 5, xã Hiệp Tùng và phần đất 90m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp 5, xã Hiệp Tùng, huyện Năm Căn. Chị đồng ý giao cho anh Ph nhận tài sản là phần đất nuôi trồng thủy sản tại ấp 4, xã Hiệp Tùng, huyện Năm Căn diện tích 46.810m<sup>2</sup>, trên đất có một ngôi nhà; buộc anh Ph giao cho chị tiền thu nhập từ việc thu hoạch vuông tôm là 200.000.000 đồng.

Ngày 23/02/2018, bà Trương Thị Ng kháng cáo không đồng ý đối với việc Tòa án nhân dân huyện Năm Căn giao phần đất nuôi trồng thủy sản thửa số 67, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp 4, xã Hiệp Tùng, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau đứng tên Nguyễn Kiều Ph được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK473412 ngày 02/10/2007, diện tích đo đạc thực tế là 28.040,1m<sup>2</sup>, trị giá 580.698.000 đồng cho chị Trần Ánh X được quyền sử dụng và định đoạt vì đây là tài sản của bà Ng , do đó bà yêu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm.

Ngày 28/02/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn có Quyết định kháng nghị số 01/KNPT-HNGĐ kháng nghị một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau sửa một phần án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Ng , bà Ng được nhận quyền sử dụng đối với phần đất nuôi trồng thủy sản tọa lạc tại ấp 4, xã Hiệp Tùng, huyện Năm Căn, diện tích là 46.810m<sup>2</sup> (đo đạc thực tế 46.227,4m<sup>2</sup>) đã được UBND huyện Năm Căn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 02/10/2013 do anh Ph

đứng tên; Chấp nhận một phần yêu cầu về chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân của chị Trần Ánh X , cụ thể là chia đối với 05 thửa đất còn lại.

Ngày 10/5/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn có Quyết định số 146/QĐ-VKS-DS rút toàn bộ Quyết định kháng nghị số 01/KNPT-HNGĐ ngày 28/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn.

Tại phiên tòa phúc thẩm Chị X , bà Ng giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của Chị X và bà Ng ; Chấp nhận việc rút kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn; sửa bản bản án sơ thẩm về phần án phí.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Đối với kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn: Ngày 10/5/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn có Quyết định số 146/QĐ-VKS-DS rút toàn bộ Quyết định kháng nghị số 01/KNPT-HNGĐ ngày 28/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn, nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn.

[2] Xét kháng cáo của chị Trần Ánh X và bà Trương Thị Ng , Hội đồng xét xử xét thấy:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, lời trình bày của Chị X , anh Ph và bà Ng về 06 phần đất nêu trên chưa thống nhất nhau; Chị X cho rằng 06 phần đất nêu trên là tài sản chung của Chị X và anh Ph , phía anh Ph và bà Ng cho rằng là tài sản riêng của bà Ng .

- Đối với phần đất diện tích theo đo đạc thực tế 46.227,4m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp 4, xã Hiệp Tùng, huyện Năm Căn do anh Ph đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Chị X cho rằng năm 1995 chị và anh Ph sang nhượng phần đất này giá 16 lượng vàng 24K; anh Ph và bà Ng cho rằng do bà Ng nhận chuyển nhượng của ông Hồng Đạt. Để có tiền sang đất, bà Ng đã sang phần đất của bà Ng ở Kinh Cái Nhám, ấp Chà Là, xã Tam Giang để nhận chuyển nhượng ½ phần đất này; khoảng 02 năm sau bà Ng mới sang nhượng hết phần đất của ông Đạt. Do anh Ph là con một, sống chung với bà Ng nên bà Ng để cho anh Ph đứng tên quyền sử dụng đất. Tuy hồ sơ cấp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Ph thể hiện nguồn gốc đất do anh Ph nhận chuyển nhượng từ ông Hồng Đạt, nhưng qua xác minh đối với vợ chồng ông Hồng Đ xác nhận là sang nhượng đất cho bà Ng ; ông Lê Thanh H nguyên Trưởng ấp 4, xã Hiệp Tùng cũng xác nhận đất do bà Ng sang nhượng. Mặt khác, Chị X trình bày nguồn vốn sang phần đất này là khi cưới mẹ chồng cho 01 lượng vàng 24K (năm 1995), mượn của cậu chồng là ông Trương Việt H 01 lượng vàng 24K, mượn của anh rể là ông Nguyễn Văn Kh 03 lượng vàng 24K, bà Ng sang phần đất vuông ở kinh Cái Nhám được 01 lượng vàng 24K, Chị X và anh Ph mượn của một số người khác gom lại đủ 08 lượng vàng 24K để sang phần đất



này. Cấp sơ thẩm đã xác minh đối với ông Kh, ông H, những người này đều xác nhận phần đất do bà Ng sang nhượng của ông Đạt và không có cho Chị X, anh Ph mượn vàng để sang đất. Tại phiên tòa, Chị X trình bày: Khi chị và anh Ph cưới nhau được khoảng 04 tháng thì vợ chồng chị ra ở riêng, do có mâu thuẫn với bà Ng không ở chung được; đồng thời Chị X cũng trình bày bà Ng bán hết phần đất 08 công của bà Ng cho chị 01 lượng vàng 24K để sang đất (bà Ng không còn phần đất nào khác). Xét lời trình bày của Chị X là chưa có tính thuyết phục, vì Chị X cho rằng giữa chị với bà Ng đã có mâu thuẫn không thể ở chung được, phải ra ở riêng thì có việc bà Ng bán hết đất của bà Ng cho vàng Chị X sang đất hay không. Do đó, có cơ sở khẳng định bà Ng là người nhận chuyển nhượng  $\frac{1}{2}$  diện tích đất của ông Hồng Đ vào năm 1995; phần đất này, bà Ng, anh Ph và Chị X cùng quản lý canh tác và đến năm 1997 tiếp tục sang nhượng hết  $\frac{1}{2}$  diện tích đất còn lại của ông Đạt. Như vậy bà Ng, anh Ph và Chị X đều có công sức đóng góp đối với phần đất này. Tuy nhiên, án sơ thẩm đã giao cho anh Ph và bà Ng mỗi người  $\frac{1}{2}$  diện tích phần đất này nhưng Chị X, bà Ng, anh Ph không có kháng cáo đối với phần đất này nên cấp phúc thẩm không đặt ra xem xét.

- Đối với 05 phần đất còn lại: Phần đất diện tích 28.040,1m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp 4, xã Hiệp Tùng (do chị Nguyễn Kiều Ph đứng tên quyền sử dụng đất); phần đất diện tích 87,3m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp 5, xã Hiệp Tùng (chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất); phần đất diện tích 100m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp 5, xã Hiệp Tùng (do anh Ph đứng tên quyền sử dụng đất); phần đất diện tích 90m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp 5, xã Hiệp Tùng (do anh Ph và Chị X đứng tên quyền sử dụng đất) và phần đất diện tích 144m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp Thạnh Điền, xã Lý Văn Lâm (do anh Ph và Chị X đứng tên quyền sử dụng); Chị X cho rằng là tài sản chung của Chị X và anh Ph; anh Ph và bà Ng cho là tài sản của bà Ng.

Xét thấy, mặc dù cả 05 phần đất nay do anh Ph là người đứng tên giao dịch hợp đồng nhận chuyển nhượng; bà Ng không đứng ra giao dịch và cũng không đứng tên quyền sử dụng đất; nhưng quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Chị X, anh Ph, bà Ng đều thừa nhận nguồn vốn để sang nhượng 05 phần đất này là do tích lũy từ thu nhập của phần đất diện tích 46.227,4m<sup>2</sup> sang nhượng của ông Đạt. Như vậy, việc tạo lập đối với 05 phần đất này đều có công sức đóng góp của Chị X, anh Ph và bà Ng; do đó cần xác định đây là tài sản chung, Chị X, anh Ph và bà Ng đều có quyền sở hữu chung đối với 05 phần đất này, khi có tranh chấp nếu không thỏa thuận được thì phân chia theo quy định pháp luật. Khi phân chia, cần xem xét đến điều kiện cuộc sống, công sức đóng góp của mỗi bên để phân chia cho phù hợp.

- Đối với phần đất diện tích 87,3m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp 5, xã Hiệp Tùng, trên đất có căn nhà; hiện tại bà Ng đang sống tại căn nhà này cùng với anh Ph và 02 con của Chị X và anh Ph; đồng thời bà Ng cũng đang thờ cúng chồng bà Ng tại căn nhà trên phần đất này. Hơn nữa, xét điều kiện bà Ng hiện nay đã lớn tuổi, việc xây cất nhà mới để ở là rất khó khăn nên ưu tiên giao phần đất này và căn nhà trên đất cho bà Ng quản lý sử dụng là phù hợp.

Đối với Chị X, sau khi ly hôn Chị X cũng có nhu cầu về đất sản xuất để có thu nhập, ổn định cuộc sống, nên cũng cần xem xét phân chia cho chị có 01 phần đất sản xuất là phù hợp.

Xét thấy cấp sơ thẩm giải quyết giao cho Chị X , anh Ph , bà Ng phân đất như quyết định án sơ thẩm tuyên là phù hợp.

- Đối với yêu cầu của Chị X phân chia tiền thu nhập nuôi tôm 200.000.000 đồng; phía anh Ph không đồng ý vì cho rằng do việc nuôi tôm bị thất, thu nhập chỉ đủ chi tiêu trong gia đình. Chị X đưa ra căn cứ chứng minh việc thu nhập như chị trình bày là căn cứ vào thu nhập của những năm trước đây (không có căn cứ nào khác). Xét căn cứ Chị X đưa ra là chưa có cơ sở, bởi lẽ trong sản xuất thiệt hại do rủi ro, thiên tai, dịch bệnh xảy ra là bất thường, nên không thể lấy mức thu nhập của những năm trước để xác định cho mức thu nhập của những năm sau. Do đó, án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của Chị X phân chia tiền thu nhập nuôi tôm 200.000.000 đồng là có căn cứ.

[3] Về phần nợ: Buộc anh Ph có nghĩa vụ thanh toán tiền nợ gốc và lãi (tính đến ngày 05/02/2018) cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam tổng cộng bằng 262.033.700 đồng. Phần lãi phát sinh từ ngày 06/02/2018 trở về sau anh Ph phải thanh toán tiền cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng đã ký. Chị X có nghĩa vụ thanh toán lại cho anh Ph  $\frac{1}{2}$  số tiền vốn, lãi mà anh Ph đã thanh toán cho Ngân hàng bằng 131.016.850 đồng.

[4] Chi phí đo đạc và định giá tài sản tổng cộng là 12.226.000 đồng, Chị X và anh Ph mỗi người phải chịu  $\frac{1}{2}$  bằng 6.113.000 đồng; Chị X đã nộp toàn bộ số tiền này nên buộc anh Ph có trách nhiệm trả lại cho Chị X 6.113.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Về nghĩa vụ chịu án phí, án sơ thẩm buộc Chị X chịu án phí đối với phần yêu cầu chia tiền thu nhập xô vuông 200.000.000 đồng không được chấp nhận; buộc Chị X và anh Ph chịu án phí đối với phần tài sản được phân chia nhưng không đối trừ nghĩa vụ chịu án phí của Chị X và anh Ph đối với số tiền trả nợ Ngân hàng là chưa đúng theo hướng dẫn tại Điều 12 và điểm c khoản 3 Điều 13 Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án (hoặc điểm a, b khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326). Tuy Chị X , anh Ph không có kháng cáo và Viện kiểm sát cũng không có kháng nghị về phần án phí, nhưng xét thấy án sơ thẩm buộc Chị X và anh Ph chịu án như vậy là bất lợi cho Chị X và anh Ph . Do đó, cấp phúc thẩm điều chỉnh lại phần án phí đối với Chị X và anh Ph cho đúng quy định pháp luật, cụ thể:

+ Không buộc Chị X phải chịu án phí đối với phần yêu cầu chi tiền thu nhập xô vuông 200.000.000 đồng không được chấp nhận;

+ Chị X phải chịu án phí đối với số tiền trả nợ Ngân hàng 131.016.850 đồng là 6.550.800 đồng và án phí đối với phần tài sản được phân chia 605.698.000 đồng – 131.016.850 đồng = 474.681.150 đồng = 20.000.000 đồng + (74.681.150 đồng x 4%) = 22.987.200 đồng; tổng cộng bằng 29.538.000 đồng; Chị X đã dự nộp 31.050.000 đồng, đối trừ được nhận lại 1.512.000 đồng;

+ Anh Ph phải chịu án phí đối với số tiền trả nợ Ngân hàng 131.016.850 đồng là 6.550.800 đồng và án phí đối với phần tài sản được phân chia 606.130.900 đồng – 131.016.850 đồng = 475.114.050 đồng = 20.000.000 đồng + (75.114.050 đồng x 4%) = 23.004.500 đồng; tổng cộng bằng 29.555.300 đồng.

[6] Từ phân tích trên, cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của Chị X và bà Ng ; sửa bản án sơ thẩm về phần án phí là có căn cứ.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm: Chị X phải chịu theo quy định pháp luật; bà Ng không phải chịu (được miễn), bà Ng đã dự nộp 300.000 đồng được nhận lại.

[8] Những quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không giải quyết; có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 289; khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Quyết định kháng nghị số 01/KNPT-HNGĐ ngày 28/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Không chấp nhận kháng cáo của chị Trần Ánh X và bà Trương Thị Ng .

Sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 10/2018/HNGĐ-ST ngày 06/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau về phần án phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Trần Ánh X về việc yêu cầu chia tài sản chung với anh Võ Chí Ph .

- *Chị Trần Ánh X được quyền sử dụng và định đoạt tài sản:*

+ Phần đất nuôi trồng thủy sản thuộc thửa số 67, tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại ấp 4, xã Hiệp Tùng, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau diện tích theo đo đạc thực 28.040,1m<sup>2</sup> (do chị Nguyễn Kiều Ph đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 473412 cấp ngày 02/10/2007) và 02 công xỏ vuông có trên đất.

+ Phần đất thuộc thửa số 21, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại ấp 5, xã Hiệp Tùng, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau diện tích theo đo đạc thực tế 100m<sup>2</sup> (do anh Võ Chí Ph đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 516756 cấp ngày 02/12/2011).

- *Anh Võ Chí Ph sở hữu, sử dụng và định đoạt tài sản:*

+ ½ diện tích phần đất nuôi trồng thủy sản tọa lạc ấp 4 (trong giấy chứng nhận ghi ấp 7B), xã Hiệp Tùng, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau diện tích đo đạc thực tế 46.227,4m<sup>2</sup> (diện tích trong giấy là 46.810m<sup>2</sup>), thuộc thửa số 01, 15, 359, 360 tờ bản đồ số 10 do Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B0 598515 ngày 02/10/2013; anh Ph được quyền sử dụng ½ diện tích bằng 23.113,7m<sup>2</sup> (khi chia có mặt tiền và hậu đều nhau); 01 căn nhà trên phần đất có diện tích 87,5m<sup>2</sup> (bao gồm nhà trước, nhà sau); Các loại cây trồng và tài sản có trên đất nuôi trồng thủy sản, bao gồm: 02 cây vú sữa đang cho trái (loại A), 06 cây vú sữa sắp cho trái (loại B), 04 cây vú sữa mới trồng (loại C), 08 cây dừa sắp cho trái (loại B), 01 cây ổi cho trái (loại A), 04 cây xoài cho trái (loại A),

01 cây tắc cho trái (loại A), 06 cây mít cho trái (loại A), 08 cây me cho trái (loại A), 03 bụi thanh long (loại C), 55 cây đước (loại B), 160 cây đước (loại C), 220 cây đước (loại D), 500 bụi dừa nước, 01 giếng nước khoan và 02 cống xô vuông trên đất.

+ Phần đất thuộc thửa số 65, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại ấp 5, xã Hiệp Tùng, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau diện tích theo đạc thực tế  $90m^2$ , do anh Võ Chí Ph và chị Trần Ánh X đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 656284 cấp ngày 09/9/2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu của Chị X về việc yêu cầu anh Ph chia tiền thu nhập nuôi tôm 200.000.000 đồng.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Trương Thị Ng về việc đòi lại tài sản đối với chị Trần Ánh X và anh Võ Chí Ph .

*Bà Ng được nhận tài sản gồm:*

+  $\frac{1}{2}$  diện tích phần đất nuôi trồng thủy sản tọa lạc ấp 4 (trong giấy chứng nhận ghi ấp 7B), xã Hiệp Tùng, huyện Năm Căn diện tích đo đạc thực tế  $46.227,4m^2$  (diện tích trong giấy  $46.810m^2$ ), thuộc thửa số 01, 15, 359, 360 tờ bản đồ số 10 do Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B0 598515 ngày 02/10/2013; bà Ng được quyền sử dụng  $\frac{1}{2}$  diện tích bằng  $23.113,7m^2$  (khi chia có mặt tiền và hậu đều nhau).

+ Phần đất thuộc thửa số 107, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại ấp 5, xã Hiệp Tùng, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau, diện tích đo đạc thực tế  $87,3m^2$ ; 01 căn nhà xây dựng trên đất; 01 tủ quần áo cây gỗ miền đông và 01 tủ nhôm.

+ Phần đất trồng lúa thuộc thửa số 417, tờ bản đồ số 23, tọa lạc tại ấp Thạnh Điền, xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, diện tích theo đo đạc thực tế  $144m^2$ , do anh Võ Chí Ph và chị Trần Ánh X đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 285901 cấp ngày 24/8/2012.

4. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.

Buộc anh Ph có nghĩa vụ thanh toán tiền nợ gốc và lãi (tính đến ngày 05/02/2018) cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam tổng cộng bằng 262.033.700 đồng. Phần lãi phát sinh từ ngày 06/02/2018 trở về sau anh Ph phải thanh toán tiền cho Ngân hàng theo hợp đồng hợp đồng tín dụng đã ký. Chị X có nghĩa vụ thanh toán lại cho anh Ph  $\frac{1}{2}$  số tiền vốn, lãi anh Ph đã thanh toán cho Ngân hàng bằng 131.016.850 đồng.

5. Chi phí đo đạc và định giá tài sản tổng cộng là 12.226.000 đồng, Chị X và anh Ph mỗi người phải chịu  $\frac{1}{2}$  bằng 6.113.000 đồng; Chị X đã nộp toàn bộ số tiền này nên buộc anh Ph có trách nhiệm trả lại cho Chị X 6.113.000 đồng.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.*

6. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị X phải chịu 29.538.000 đồng; Ngày 29/6/2015 Chị X đã dự nộp 26.050.000 đồng theo biên lai thu số 0014602 và ngày 16/12/2016 Chị X đã dự nộp 5.000.000 đồng theo biên lai thu số 0015228 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn, tổng cộng Chị X đã dự nộp 31.050.000 đồng, đối trừ được nhận lại 1.512.000 đồng.

- Anh Ph phải chịu 29.555.300 đồng.

- Bà Ng được miễn chịu án phí; Ngày 29/12/2016 bà Ng đã dự nộp 200.000 đồng biên lai thu số 0015248 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn được nhận lại.

- Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam không phải chịu án phí; Ngày 15/12/2016 Ngân hàng đã dự nộp 6.422.900 đồng biên lai thu số 0015226 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn được nhận lại.

#### 7. Án phí dân sự phúc thẩm:

Chị X phải chịu 300.000 đồng; Ngày 08/02/2018 Chị X đã dự nộp 300.000 đồng biên lai thu số 0015787 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn được chuyển thu án phí.

Bà Ng được miễn chịu án phí; Ngày 23/02/2018 bà Ng đã dự nộp 300.000 đồng biên lai thu số 0015799 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn được nhận lại.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thành Lập**